

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 135/2025/HSPT

Ngày: 17/3/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trung.

Các Thẩm phán: 1/ Ông Nguyễn Xuân Quang.

2/ Ông Vũ Thế Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Quang Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 526/2024/TLPT-HS ngày 20 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 50/2025/QĐXXPT-HS ngày 10 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2025/HSPT – QĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025.

Bị cáo kháng cáo:

1/ Họ và tên: **Lê Văn H**, tên gọi khác: không, sinh năm 1986 tại Nghệ An.

Nơi cư trú: 166/19/2, khu phố A, phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Nghề nghiệp: tự do; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: lớp 9/12; con ông Lê Văn L và bà Phạm Thị M, gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con út; bị cáo sống chung như vợ chồng với chị Mã Thị P và có 01 con chung sinh năm 2021.

Tiền án: Ngày 26/5/2006, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bản án phúc thẩm ngày 08/8/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giữ nguyên án sơ thẩm. (Trước khi phạm tội chưa đóng án phí).

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/01/2024, sau đó chuyển tạm giam đến ngày 07/02/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn khác. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

2/ Họ và tên: **Đặng Minh C**, tên gọi khác: không, sinh năm 1984 tại Nghệ An.

Nơi đăng ký thường trú: tổ B, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: Tổ C, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; dân

tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Thợ hồ; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: lớp 11/12; con ông Đặng Minh D và bà Trần Thị T; gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ 4; bị cáo có vợ tên Trần Thị Hồng P1; Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con bé nhất sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo H, C có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 01/2024, Nguyễn Tiến K sử dụng mạng xã hội “Facebook” và phát hiện có đối tượng (chưa rõ nhân thân) đăng tải nội dung quảng cáo bán pháo hoa nổ (sau đây viết tắt là “pháo”) kèm theo số điện thoại “0867518819” nên K nảy sinh ý định mua các loại pháo của đối tượng trên mạng, sau đó bán lại cho người khác để kiếm lời. Thực hiện ý định trên, vào ngày 18/01/2024 K sử dụng điện thoại hiệu Iphone 12 Pro (gắn sim số 0937.307959) trao đổi với 01 đối tượng nam sử dụng số điện thoại “0867518819” đặt mua 228 hộp pháo hoa nổ (các loại) và 10 bịch pháo nổ (dạng quả bóng đá, vỏ bằng nhựa), với tổng số tiền là 152.600.000đ (Một trăm năm mươi hai triệu, sáu trăm nghìn đồng), đồng thời thỏa thuận bên bán có trách nhiệm giao pháo về TP B, tỉnh Đồng Nai cho K. Đến khoảng 12 giờ 00 ngày 20/01/2024, Nguyễn Văn S là người làm nghề chạy xe ô tô dịch vụ tại khu vực cổng chào TP T, tỉnh Bình Dương được Nguyễn Thành T1 (là người quen, chạy xe ôm cùng khu vực cổng chào trên) gọi điện thoại thuê S vận chuyển pháo từ kho của T1 tại TP T, tỉnh Bình Dương đi giao cho K số pháo đã đặt mua trên, với tiền công vận chuyển là 2.100.000đ (Hai triệu, một trăm nghìn đồng), thanh toán sau khi vận chuyển xong thì được S đồng ý. Sau đó, S điều khiển xe ô tô hiệu Toyota Innova biển số 61A-225.66 đi theo chỉ dẫn của T1 đến căn nhà tại địa chỉ nhà số C, khu phố Đ, phường V, TP T, tỉnh Bình Dương nhận pháo để chở đi giao cho K. Số pháo trên được S chia chở làm 03 chuyến, cụ thể:

- Chuyến thứ nhất, S chở 02 thùng pháo (tương đương 22 hộp) giao cho K tại khu vực thuộc phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai và chuyến thứ hai S chở 07 thùng pháo (tương đương 118 hộp) và 10 bịch pháo (dạng pháo hình quả bóng đá) giao cho K tại khu vực thuộc xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Sau khi nhận được số pháo trên, K đã bán cho 01 nam thanh niên (không rõ nhân thân, lý lịch) tại khu vực cầu B, phường L, TP B 12 hộp pháo loại 36 ống và 10 hộp pháo loại 49 ống, với tổng số tiền 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) và bán cho Lê Văn H 02 thùng (tương đương 36 hộp) pháo loại 49 ống, với tổng số tiền là 28.800.000đ (hai mươi tám triệu, tám trăm nghìn đồng) để nhằm mục đích sử dụng. Sau đó, khi K đang điều khiển xe ô tô biển số: 60C-659.26 chở 54 hộp pháo loại 49 ống đi trên đường thuộc tổ A, khu phố D, phường T, TP B thì bị lực lượng Công an T3 kiểm tra phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, đồng thời phối hợp với Công an xã T, huyện V tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của K tại địa chỉ nhà không số thuộc tổ A, ấp Ông H1, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai phát hiện và thu giữ 10 bịch pháo dạng quả bóng đá vỏ bằng nhựa, 08 hộp pháo loại 88 ống, 10 hộp pháo loại 49 ống và 10 hộp pháo loại 36 ống.

- Chuyển thứ ba S chở 72 hộp pháo loại 49 ống và 16 hộp pháo loại 09 viên từ nhà của T1 (nêu trên) đi giao cho K tại khu vực phường T, TP B nhưng khi đi tới khu vực thuộc tổ B, khu phố D, phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai thì bị lực lượng Công an T3 phối hợp với Công an phường T phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với S. Đồng thời, tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của T1 tại địa chỉ số C, khu phố Đ, phường V, TP T, tỉnh Bình Dương phát hiện và thu giữ được 60 bịch pháo dạng quả bóng đá; 119 hộp pháo loại hình trụ tròn màu đỏ được liên kết với nhau thành tràng; 90 hộp pháo loại 49 ống; 12 hộp pháo loại 138 ống và 16 hộp pháo loại 09 ống.

Sau khi mua số pháo trên của K, cùng ngày H đã liên hệ qua điện thoại với Đặng Minh C để gửi 01 thùng (18 hộp) pháo tại nhà của Chiến địa chỉ tổ C, khu phố A, phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai. Số pháo còn lại H cất giữ tại nhà số A khu phố A, phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai. Sau đó, C đã gọi điện thoại nhờ Vũ Văn T2 đến nhà của C lấy 08 hộp pháo trong thùng pháo H gửi trên, mang về cất giấu trong nhà của T2 tại ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai, với mục đích để sử dụng.

Đến 22 giờ 00 phút cùng ngày, sau khi biết thông tin K đã bị bắt, H đến nhà của C lấy lại số pháo đã gửi, sau đó đi đến Công an phường T đầu thú và giao nộp tổng số 28 hộp pháo. Tiếp sau đó, đến 00 giờ 30 phút ngày 21/01/2024, sau khi biết hành vi cất giấu pháo đã bị phát hiện T2 đi đến Công an T3 đầu thú và giao nộp toàn bộ 08 hộp pháo trên. Còn C đến ngày 13/3/2024, sau khi nhận được giấy triệu tập đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T3 để làm việc và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

* Vật chứng vụ án gồm:

- 64 hộp pháo loại 49 ống; 08 hộp pháo loại 88 ống; 10 hộp pháo loại 36 ống và 10 bịch pháo dạng quả bóng đá vỏ bằng nhựa, thu giữ của bị cáo K (Bút lục số: 170-175).

- 72 hộp pháo loại 49 ống và 16 hộp pháo loại 09 viên, thu giữ của bị cáo S (Bút lục số: 222-225).

- 60 bịch pháo dạng quả bóng đá; 119 hộp pháo loại hình trụ tròn màu đỏ được liên kết với nhau thành tràng; 90 hộp pháo loại 49 ống; 12 hộp pháo loại 138 ống và 16 hộp pháo loại 09 ống, thu giữ tại chỗ ở của bị cáo T1; (Bút lục số: 241-245).

- 28 hộp pháo loại 49 ống, thu giữ của bị cáo H (Bút lục số: 255-257).

- 08 hộp pháo loại 49 ống, thu giữ của bị cáo T2 (Bút lục số: 309-312).

- 22 hộp pháo loại 36 ống, bị cáo K đã bán cho nam thanh niên (không rõ nhân thân, lý lịch) nên Cơ quan điều tra không thu giữ được; (Bút lục số: 189-191).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro (số imei: 353074115768119) có gắn sim số 0937.307959, thu giữ của bị cáo K, là phương tiện bị cáo đã sử dụng thực hiện tội phạm (Bút lục số: 170-173, 189-191).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno8 (số imei: 865858062957837) có gắn sim số 0918.793932 và 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova biển số 61A-225.66, thu giữ của bị cáo S, là phương tiện bị cáo đã sử dụng thực hiện tội phạm (Bút lục số: 222-226).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A15S, có gắn sim số 0938.974479, thu giữ của bị cáo H, là phương tiện bị cáo đã sử dụng thực hiện tội phạm; (Bút lục số: 255, 258-259).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus (số imei: 35328707954546) có gắn sim số 0932.614455, thu giữ của bị cáo C, là phương tiện bị cáo đã sử dụng thực hiện tội phạm; (Bút lục số: 278-280).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F7 (số imei: 869383037290699) có gắn sim số 0909.892757, thu giữ của bị cáo T2, là phương tiện bị cáo đã sử dụng thực hiện tội phạm; (Bút lục số: 309, 313).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202 và số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) thu giữ của bị cáo K. Kết quả điều tra thể hiện, chiếc điện thoại là tài sản của bà Nguyễn Thị Phương H2 (là vợ bị cáo K), không sử dụng vào việc phạm tội và số tiền trên là do bà H2 đưa cho bị cáo K đưa con đi khám bệnh, không liên quan hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại và tiền cho bà H2; (Bút lục số: 170-173, 189-191, 202, 212-213, 219-221).

- 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger biển số 60C-65926, thu giữ của bị cáo K, là phương tiện bị cáo đã sử dụng thực hiện tội phạm. Kết quả xác minh do bà Đinh Thị Thu D1 (sinh năm 1981, ngụ tại số G, tổ B, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) đứng tên đăng ký chủ sở hữu; vào ngày 18/01/2024 bà D1 cho bị cáo K thuê chiếc xe trên 05 ngày và không biết bị cáo K sử dụng xe thực hiện tội phạm nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho bà D1. (Bút lục số: (Bút lục số: 170-173, 189-191, 206-209, 214-215).

- 02 camera hiệu V tại khu vực hiện trường vụ án (nơi ở của bị cáo K), tạm giữ của anh Trương Quốc H3 (sinh năm 1978, ngụ tại tổ B, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai), qua kiểm tra đã bị hư hỏng và không có dữ liệu lưu trữ nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh H3. (Bút lục số: 176-177, 210-211).

* Tại bản các Kết luận giám định số 1039/KL-KTHS và số 1040/KL-KTHS, ngày 29/01/2024 của P2 Bộ C1 tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Mẫu vật ký hiệu M1 gửi giám định (08 hộp pháo, thu giữ của bị cáo T2) là pháo nổ (pháo hoa nổ). Khi đốt bay lên cao, nổ và phát ra ánh sáng màu. Khối lượng là 13,8kg;

- Mẫu vật ký hiệu M2, M3 gửi giám định (28 hộp pháo, thu giữ của bị cáo H) là pháo nổ (pháo hoa nổ). Khi đốt bay lên cao, nổ và phát ra ánh sáng màu. Tổng khối lượng là 44kg;

- Mẫu vật ký hiệu M4, M5, M6 và M7 gửi giám định (82 hộp pháo, thu giữ của bị cáo K) là pháo nổ (pháo hoa nổ). Khi đốt bay lên cao, nổ và phát ra ánh sáng màu. Tổng khối lượng là 141,8kg;

- Mẫu vật ký hiệu M8 gửi giám định (10 bịch pháo, thu giữ của bị cáo K) là pháo nổ. Khi đốt phát ra tiếng nổ. Khối lượng là 4,6kg;

- Mẫu vật ký hiệu M9 và M10 gửi giám định (88 hộp pháo, thu giữ của bị cáo S) là pháo nổ (pháo hoa nổ). Khi đốt bay lên cao, nổ và phát ra ánh sáng màu. Tổng khối lượng là 140,6kg;

- Mẫu vật ký hiệu M11 và M12 gửi giám định (60 bịch pháo và 119 hộp pháo, thu giữ tại chỗ ở của bị cáo T1) là pháo nổ. Khi đốt phát ra tiếng nổ. Tổng khối lượng là 204,2kg;

- Mẫu vật ký hiệu M13, M14 và M15 gửi giám định (118 hộp pháo, thu giữ tại chỗ ở của bị cáo T1) là pháo nổ (pháo hoa nổ). Khi đốt bay lên cao, nổ và phát ra ánh sáng màu. Tổng khối lượng là 239kg;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 588/2024/HS-ST ngày 31-10-2024 của Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn H, Đặng Minh C, Vũ Văn T2 phạm tội “Tàng trữ hàng cấm”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Lê Văn H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án và được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2024 đến ngày 07/02/2024.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Đặng Minh C 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Ngoài ra, trong bản án còn có các bị cáo khác nhưng không có kháng cáo, không có kháng nghị và bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 14/11/2024, bị cáo Lê Văn H và Đặng Minh C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn H xin rút toàn bộ kháng cáo.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:**

Ngày 14/11/2024, bị cáo Lê Văn H, Đặng Minh C kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm số: 588/2024/HS-ST ngày 31-10-2024 của Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo là trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa, bị cáo H xin rút toàn bộ kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo H.

Đối với bị cáo C: Căn cứ hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định bị cáo C đã tàng trữ 08 ống pháo hoa nổ là hàng cấm lưu thông. Cấp sơ thẩm xét xử về tội “Tàng trữ hàng cấm” theo khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo 01 năm tù là đúng người, đúng tội. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo kháng cáo và cung cấp các tình tiết mới thể hiện bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình và được chính quyền địa phương xác nhận; bị cáo có cha, mẹ là người có công với cách mạng.

Như vậy, bị cáo Đặng Minh C là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có cha mẹ là người có công với cách mạng. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo đang cư trú giám sát giáo dục theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bị cáo Lê Văn H, Đặng Minh C làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn H xin rút toàn bộ kháng cáo trên cơ sở tự nguyện. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với bị cáo H, bản án hình sự sơ thẩm số 588/2024/HS-ST ngày 31-10-2024 của Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đối với bị cáo Lê Văn H có hiệu lực pháp luật.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Về hành vi phạm tội:

Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 20/01/2024, Đặng Minh C và Vũ Văn T2, đã có hành vi tàng trữ 08 hộp pháo hoa nổ (loại 49 ống), tổng khối lượng 13,8kg. Đến ngày 13/3/2024, sau khi nhận được giấy triệu tập, C đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T3 để làm việc và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Như vậy, hành vi của bị cáo Đặng Minh C đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đặng Minh C về tội “Tàng trữ hàng cấm” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo, nhận thấy:

Bị cáo Đặng Minh C kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo với lý do: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo có nhân thân tốt, luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; bị cáo có khả năng tự cải tạo, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Sau khi xem xét toàn bộ nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo Đặng Minh C là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm các quy định của Nhà nước trong quản lý hành chính. Hành vi của bị cáo còn làm mất tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử và tuyên phạt bị cáo Đặng Minh C mức án 01 tù là có căn cứ.

Tuy nhiên, cũng cần xem xét bị cáo Đặng Minh C có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu

thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Quá trình xét xử phúc thẩm, bị cáo C đã cung cấp tài liệu, chứng cứ mới thể hiện bị cáo C có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang phải nuôi 03 con còn nhỏ được chính quyền địa phương xác nhận; bị cáo có cha, mẹ là người có công với cách mạng; cha bị cáo được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì, được Tỉnh ủy T4 trao tặng huy hiệu 50 năm tuổi đảng. Hiện bị cáo C có nơi cư trú rõ ràng tại địa chỉ B, Tổ C, khu phố A, phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai.

Nhận thấy, bị cáo Đặng Minh C không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã thật sự ăn năn hối cải, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách kéo dài, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú quản lý, giáo dục để bị cáo có cơ hội sửa sai, trở thành người công dân tốt, đồng thời cũng thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải.

[3] Về án phí HSPT: Bị cáo H, C không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, đ khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1/ Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Lê Văn H về việc xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Bản án hình sự sơ thẩm số 588/2024/HS-ST ngày 31-10-2024 của Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đối với bị cáo Lê Văn H có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

2/ Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Đặng Minh C về việc xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 588/2024/HS-ST ngày 31-10-2024 của Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai do khách quan.

2.1/ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Minh C phạm tội “Tàng trữ hàng cấm”.

2.2/ Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Xử phạt: bị cáo Đặng Minh C **01 (một) năm tù** nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Đặng Minh C cho Ủy ban nhân dân phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai nơi bị cáo đang cư trú để giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án

treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Bị cáo Đặng Minh C phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3/ Về án phí HSPT: Bị cáo H, C không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận::

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án ND TP Biên Hòa;
- Viện kiểm sát ND TP Biên Hòa;
- CQCSĐT CA tỉnh Đồng Nai;
- Phòng hồ sơ – CA tỉnh Đồng Nai;
- CQTHAHS CA tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP Biên Hòa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Trung